

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-ST

Ngày: 24/7/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ.

+ Ông Nguyễn Ngọc Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên
tòa:** Bà Vũ Thị Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đ xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức H; Sinh năm 1986, tại tỉnh Quảng B; Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng B. (Nay là xã Q, tỉnh Quảng T); Nơi sinh sống: Công trường Dự án Cảng hàng không Quốc tế L thuộc xã S, huyện L, tỉnh Đ. (Nay là xã L, tỉnh Đ); CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 044086009358 cấp ngày 03/4/2023. Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH; nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Võ Thị N, vợ Hà Thị Mi N1 và 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016). Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 11/8/2024.

(Bị cáo có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức H: Luật sư Phạm Cao K- Công ty Luật TNHH Khải Khánh- Đoàn Luật sư tỉnh B.

Địa chỉ: Đường V, khu phố O, phường P, Thị xã P, tỉnh B. (Nay là phường B, tỉnh Đ)

(Có mặt)

- Bị hại: Ông Phạm Khắc R, sinh năm: 1958 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp:

1- Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1958.

2- Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1979.

Cùng địa chỉ: Khu O, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

(Nay là xã A, tỉnh Đ)

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Đình S, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện C, tỉnh H

(Nay là xã G, tỉnh H). Vắng mặt.

2- Ông Bùi Hữu Đ, N, huyện Đ, tỉnh N. (Nay là xã N, tỉnh N). Vắng mặt.

3- Anh Vũ Văn T2, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Xóm U, xã Q, huyện L, tỉnh N. (Nay là xã L, tỉnh N). Có mặt.

4- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện S, tỉnh H (Nay là xã K, tỉnh H). Có mặt.

5- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ L, ấp I, B, huyện Q, tỉnh K. (Nay là xã H, tỉnh A). Vắng mặt.

6- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm O, xã G, huyện N, tỉnh N. (Nay là xã G, tỉnh N). Có mặt.

7- Anh Nguyễn Đại P, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Phường T, Thành phố V, tỉnh N. (Nay là phường T, tỉnh N). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Công ty TNHH MTV xây dựng X do Nguyễn Đức H, làm giám đốc. Công ty X là thầu phụ của Công ty Cổ phần tập đoàn C, nhiệm vụ thi công hạng mục đường băng cất hạ cánh tại Dự án Cảng hàng không Quốc tế L, thuộc xã S, huyện L, tỉnh Đ. (Nay là L, tỉnh Đ), Phạm Khắc R là bảo vệ. Trong quá trình thi công, số lượng sắt, vật tư do H quản lý thường xuyên bị mất trộm, H nghi ngờ R là người lấy nên vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 08/8/2024, H đến chốt bảo vệ (thùng container tự chế) yêu cầu được kiểm tra balo của R nhưng R không đồng ý, thì giữa H và R xảy ra cự cãi với nhau.

Đến 06 giờ 40 phút ngày 09/8/2024, H cùng với Nguyễn Đình S, Bùi Hữu Đ, Vũ Văn T2 và Nguyễn Văn Q là công nhân đến chốt bảo vệ để lấy dụng cụ làm việc. Lúc này, R rời khỏi chốt bảo vệ đến chỗ H yêu cầu H kiểm tra ba lô để R bàn giao ca, thì giữa H và R tiếp tục xảy ra cự cãi, R liền quay lại gần vị trí chốt bảo vệ lấy 01 con dao tự chế dài khoảng 62cm (cán dao bằng gỗ được quấn bằng dính màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài 50cm đầu dao nhọn, bản rộng 4,5cm) rồi tiến đến chỗ H nói “Tao chém mày” đồng thời dùng dao chém về phía H, H lùi lại nên không trúng thì được anh Nguyễn Văn Q can ngăn, khi anh Q đi

thì R tiếp tục cầm dao đi về phía H giờ dao chém từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, H giờ tay phải lên đỡ nên trúng cẳng tay phải, R tiếp tục chém lần thứ 02 trúng mu bàn tay phải của H, H bỏ chạy về phía chốt bảo vệ, còn R tiếp tục cầm dao đi bộ theo H. Khi H bỏ chạy được khoảng 07m, H nhìn thấy 01 cây xà beng bằng kim loại dài 58cm (01 đầu mài dẹt và 01 đầu móc lưỡi câu) H nhặt lấy và dùng 02 tay cầm 01 đầu của cây xà beng quay đầu lại rồi ném về phía R (khoảng cách giữa H và R khoảng 03m) cây xà beng bay cuộn tròn rơi trúng vùng đỉnh đầu (lệch trái) của R khiến R té ngã nằm bất động. H liền chạy đến thì thấy R bị chảy máu vùng đầu, H gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn C (Chỉ huy trưởng nhà thầu Công ty C) báo sự việc. Sau đó, R và H được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh Viện đa khoa L. Do, R bị chấn thương sọ não nên được chuyển đến Bệnh viện Đa khoa Đ để điều trị. Đến 23 giờ ngày 10/8/2024, R tử vong. Đến ngày 11/8/2024 H bị bắt giữ.

Tại Bản Kết luận giám định tử thi số: 228/KLGĐTT-TTPYĐN ngày 14/8/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Đ (đối với nạn nhân Phạm Khắc R) kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám nghiệm:

+ Vị trí tổn thương: Đầu

+ Hình thái tổn thương: Bầm tím, rách da, vỡ sọ, tụ máu ngoài và dưới màng cứng, giập não.

- Kết quả giám định khác: Không.

2. Kết luận nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não gây lún vỡ sọ đỉnh trái, nứt cánh lớn xương bướm phải, vỡ sán sọ trước, tụ máu ngoài màng cứng thái dương trái, tụ máu dưới màng cứng đỉnh thái dương trái và chẩm phải. Giập não vùng thái dương đỉnh trái và vùng chẩm phải, xuất huyết màng não, cầu não, tụt kẹt tiểu não.

Tại Bản Kết luận giám định cơ chế tổn thương qua hồ sơ số: 0922/KLGĐCC-TTPYĐN ngày 12/9/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Đ (về cơ chế hình thành thương tích của ông Phạm Khắc R) kết luận:

Vết thương vùng đỉnh lệch trái kích thước 5,5x0,2cm; Lún vỡ sọ đỉnh trái kích thước 3,5x1,6cm, bên trong tương ứng 4,5x0,3cm; Nứt cánh lớn xương bướm kích thước 09 x0,2cm; Vỡ sán sọ trước kích thước 02x01cm; Tụ máu ngoài màng cứng thái dương trái, chẩm phải; Tụ máu dưới màng cứng đỉnh thái dương trái và chẩm phải; Giập não vùng thái dương đỉnh trái và chẩm phải; Xuất huyết màng mềm, tụt kẹt tiểu não; Xuất huyết cầu não. Tổn thương này do vật tày có cạnh tác động vào đỉnh đầu lệch trái với lực rất mạnh theo hướng từ trước ra sau và từ trên xuống dưới gây nên.

Tại Bản Kết luận giám định vật gây thương tích số: 0921/KLVGTT-TTPYĐN ngày 15/9/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Đ (đối với thương tích của ông Phạm Khắc R) kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả nghiên cứu mẫu vật: Mẫu vật có đặc tính là vật tày hoặc vật tày có cạnh.

- Kết quả đối chiếu mẫu vật với thương tích:

Vết thương vùng đỉnh lệch trái kích thước 5,5x0,2cm; Lún võ sọ đỉnh trái kích thước 3,5x1,6cm, bên trong tương ứng 4,5x0,3cm; Nứt cánh lớn xương bướm kích thước 09 x0,2cm; Võ sần sọ trước kích thước 02x01cm; Tụ máu ngoài màng cứng thái dương trái, chẩm phải; Tụ máu dưới màng cứng đỉnh thái dương trái và chẩm phải; Giập não vùng thái dương đỉnh trái và chẩm phải; Xuất huyết màng mềm, tụ kết tiểu não; Xuất huyết cầu não. Tổn thương này do vật tày có cạnh tác động vào đỉnh đầu lệch trái với lực rất mạnh theo hướng từ trước ra sau và từ trên xuống dưới gây nên, phù hợp với hung khí gửi giám định.

2. Kết luận:

Căn cứ kết quả giám định vật gây thương tích được cơ quan trung cầu giám định gửi đến phù hợp với đặc điểm tổn thương, xác định phần đầu (đầu dẹt và đầu uốn cong) của cây kim loại có thể gây ra được thương tích của nạn nhân Phạm Khắc R, sinh năm 1958.

Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 1076/KLTTCT-TTPYĐN ngày 30/10/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Đ kết luận (đối với thương tích của Nguyễn Đức H):

- Sẹo mặt sau 1/3 trên cẳng tay phải kích thước trung bình. Tỷ lệ 02%.

- Sẹo mu bàn tay phải kích thước trung bình. Tỷ lệ 02%.

- Vết thương cẳng tay phải gây tổn thương gân gấp cổ tay quay và vết thương mu bàn tay phải đứt gân gấp mu bàn tay phải đã phẫu thuật hiện để lại hạn chế vận động cổ tay phải. Tỷ lệ 09%.

Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Đức H, sinh năm 1986 tại thời điểm giám định là 13% (Mười ba phần trăm).

3. Kết luận khác:

Vật gây thương tích: Vật sắc.

Tại Cáo trạng số: 12/CT-VKSLT ngày 27 tháng 12 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đ) đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội danh, khung hình phạt, Điều luật áp dụng như Cáo trạng đã nêu. Đồng thời, đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức H mức án từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đã thỏa thuận bồi thường xong.

Xử lý vật chứng: 01 cây xà beng bằng kim loại dài 58cm (01 đầu mài đẹp và 01 đầu móc lưỡi câu) và 01 con dao dài 62cm, cán bằng gỗ, quai bằng keo màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài 50cm, rộng 4,5cm không còn giá trị sử dụng. Đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã mô tả, bị cáo không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo H trình bày ý kiến: Người bào chữa không đồng tình với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức H về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 4 điều 134 Bộ luật hình sự.

Qua lời khai của bị cáo H, người làm chứng thì ông R là người chủ động gây sự và đã chủ động chuẩn bị hung khí, lấy hung khí lao vào chém trong tư thế nhanh và bất ngờ, bị cáo chỉ kịp phản ứng là đưa tay lên đỡ, ông R tấn công hung hãn quyết liệt chém liên tục nhiều nhát vào người bị cáo gây thương tích, H bỏ chạy trong khu công trường có vật cản và khi bỏ chạy trong tư thế ôm tay, bị cáo thấy cây xà beng nên nhặt và ném về phía ông R để hạn chế sự tấn công nhằm thoát thân. Hành vi của H xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác được coi là phòng vệ chính đáng. Viện kiểm sát truy tố bị cáo H tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H không phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 4 điều 134 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã cáo buộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận. Nguyễn Đức H và Phạm Khắc R cùng làm việc tại hạng mục đường băng cất hạ cánh tại Dự án Cảng hàng không Quốc tế L. Trong quá trình làm việc, do số sắt thép, vật tư thường xuyên bị mất trộm, H nghi ngờ R lấy nên vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 08/8/2024, H yêu cầu được kiểm tra ba lô của R nhưng R không đồng ý dẫn đến cãi vã. Đến 06 giờ 40 phút ngày 09/8/2024, ông R yêu cầu H kiểm tra balo của R và ký biên bản

bàn giao ca làm việc để R về, thì lúc này giữa ông R và H tiếp tục cãi vã. R lấy 01 con dao dài 62cm, cán bằng gỗ được quấn băng dính màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài 50cm, rộng 4,5cm chém 02 nhát trúng cẳng tay phải và mu bàn tay phải của H, H bỏ chạy, ông R cầm dao đi bộ theo sau. Khi bỏ chạy, H nhặt 01 cây xà beng bằng kim loại dài 58cm (01 đầu mài dẹp và 01 đầu móc lưỡi câu) rồi dùng hai tay ném về phía ông R (khoảng cách giữa H và R khoảng 03m) cây xà beng rơi trúng vùng đỉnh đầu của ông R làm ông R té ngã nằm bất động. Hậu quả, R bị chấn thương sọ não, đến ngày 10/8/2024 thì tử vong. Lời khai nhận của bị cáo H trùng khớp lời khai ban đầu, lời khai của người làm chứng cùng các chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức H đã dùng hung khí ném trả lại bị hại, làm cho bị hại bị thương tích dẫn đến tử vong, đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đ là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo có hành vi dùng vũ lực, sử dụng hung khí tác động lên cơ thể người khác gây ra thương tích dẫn đến chết người.

[3] Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Về phía bị hại có phần lỗi, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ mức án cho bị cáo H.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn xem xét cho bị cáo H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, cha của bị cáo là Bệnh binh tỷ lệ 61% (có giấy chứng nhận), có Bác ruột được Nhà nước công nhận Liệt sĩ nên giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Đối với phần trình bày của bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa.

[4] Ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo H: Người bào chữa không đồng tình với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đ. Viện kiểm sát truy tố Nguyễn Đức H về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 4 điều 134 Bộ luật hình sự là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố

bị cáo Nguyễn Đức H không phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 4 điều 134 Bộ luật hình sự.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo là không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đảm bảo, phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng Hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

[6] Biện pháp tư pháp:

Trách nhiệm dân sự: Đã thỏa thuận bồi thường xong, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 cây xà beng bằng kim loại dài 58cm (01 đầu mài dẹp và 01 đầu móc lưỡi câu) do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; 01 con dao dài 62cm, cán bằng gỗ, quấn băng keo màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài 50cm, rộng 4,5cm do R sử dụng chém H. Do đó, tịch thu để tiêu hủy.

(Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Đ đang tạm giữ tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/12/2024).

[7] Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 269, Điều 298, Điều 299, Điều 326, Điều 327, Điều 331, Điều 333 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1- Về hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 11/8/2024.

Tịch thu, tiêu hủy 01 cây xà beng bằng kim loại dài 58cm (01 đầu mài đẹp và 01 đầu móc lưỡi câu) và 01 con dao dài 62cm, cán bằng gỗ, quấn băng keo màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài 50cm, rộng 4,5cm.

(Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Đ đang tạm giữ tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/12/2024).

2- Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3- Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND T. Đ;
- CQCSĐT CA T.Đ;
- VKS ND khu vực 2 - Đ;
- Trại tạm giam, trại giam;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng THADS khu vực 2 tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh